

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-ST

Ngày 13-02-2018

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn.
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Ngọc Côn; Ông Giáp Văn Phẩm.
- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Diệp Văn Vĩ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên tòa: Ông Đào Duy Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 290/2017/DSST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 11/01/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2018/QĐST-DS ngày 30/01/2018 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Bùi Ngân H (tên gọi khác: Bùi Thị H), sinh năm 1977 (Có mặt)
Nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện L, tỉnh B.
- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1975 (Vắng mặt)
Nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện L, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 21/8/2017 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Bùi Ngân H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn vào năm 1994, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu và thỏa thuận, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn ngay. Năm 2011 vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Cưới xong vợ chồng chung sống tại thôn N, xã N, huyện L, tỉnh B. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, trong cuộc sống hàng ngày thường bất đồng quan điểm, dẫn đến cãi vã lẫn nhau, không phát triển được kinh tế gia đình. Chị và anh H hiện sống ly thân và cắt đứt mọi quan

hệ tình cảm từ khoảng giữa năm 2017 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 24/5/1996 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 23/12/1998. Hiện nay cả hai cháu đều đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, số nợ, ruộng canh tác: Vợ chồng chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Bùi Ngân H xin chịu cả tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 09/10/2017 và ngày 21/11/2017 bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh và chị Bùi Ngân H kết hôn với nhau năm 1994, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu và thỏa thuận, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn ngay. Năm 2011 vợ chồng anh mới đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện L, tỉnh B. Sau khi cưới vợ chồng anh về chung sống tại thôn N, xã N, huyện L, tỉnh B. Từ khi kết hôn đến nay vợ chồng anh sống hòa thuận, hạnh phúc. Trong cuộc sống vợ chồng thỉnh thoảng có phát sinh một số mâu thuẫn nhỏ, có xảy ra cãi vã lẫn nhau nhưng chưa có mâu thuẫn nào nghiêm trọng. Quan điểm của anh là mong muốn vợ chồng về đoàn tụ cho các con có cả bố, mẹ. Trường hợp chị H vẫn kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị H.

- Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 24/5/1996 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 23/12/1998. Hiện nay cả hai người con của anh đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, số nợ, ruộng canh tác: Vợ chồng anh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Nhất trí để chị Bùi Ngân H chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Bùi Ngân H trình bày: Chị giữ nguyên các nội dung đã trình bày theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản ghi lời khai của chị trong hồ sơ vụ án. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Nguyễn Văn H. Về con chung, tài sản, công nợ, ruộng canh tác chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn H mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng anh H vẫn vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục đưa vụ án ra xét xử và công bố lời khai của anh Hùng có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng của Tòa án trong quá trình thụ lý cũng như giải quyết vụ án và sự chấp hành pháp luật của các đương sự đều tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc bị đơn anh Nguyễn Văn H được triệu tập họp lệ lần này là lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung là đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 53; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 28, 35, 271, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Bùi Ngân H, cho chị Bùi Ngân H được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung, tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Chị Bùi Ngân H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Chị Bùi Ngân H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh B giải quyết cho chị và anh Nguyễn Văn H được ly hôn. Bị đơn anh Nguyễn Văn H có địa chỉ cư trú tại thôn N, xã N, huyện L, tỉnh B. Như vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh B.

Tại phiên tòa ngày 30/01/2018 Hội đồng xét xử đã phải ra Quyết định hoãn phiên tòa vì bị đơn là anh Nguyễn Văn H vắng mặt không lý do. Mặc dù Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng đối với anh H đúng quy định của pháp luật nhưng tại phiên tòa hôm nay anh H vẫn tiếp tục vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Ngân H và anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau vào năm 1994, trước khi kết hôn hai bên có được tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn ngay. Năm 2011 vợ chồng mới đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện L, tỉnh B. Xét thấy chị H, anh H chung sống với nhau từ năm 1994 là đúng sự thật, quá trình chung sống với nhau đến năm 2011 chị H, anh H đã thực hiện việc đăng ký kết hôn lại theo nghị định số 77/2001/NĐ-CP ngày 22/10/2001 về việc khuyến khích đăng ký kết hôn. Như vậy hôn nhân giữa chị H và anh H là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh H phát sinh từ đầu năm 2017, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường cãi vã lẫn nhau trong vấn đề phát triển kinh tế. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ khoảng giữa năm 2017 đến nay. Hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H có đơn đề nghị xin ly hôn với anh H, anh H cũng nhất trí ly hôn với chị H. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử: Cho chị Bùi Ngân H được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị H, anh H có hai con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 24/5/1996 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 23/12/1998. Hiện nay cả hai con của anh chị đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên anh, chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản, số nợ, ruộng canh tác: Vợ chồng chị H, anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Bùi Ngân H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Cho chị Bùi Ngân H (tên gọi khác: Bùi Thị H) được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về án phí: Chị Bùi Ngân H (tên gọi khác: Bùi Thị H) phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2016/0003073 ngày 09 tháng 10 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn. Chị Bùi Ngân H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc từ ngày niêm yết công khai bản án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND huyện L;
- UBND xã N;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện L;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thái Sơn